TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẨM PHẢ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do –Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 26/5/2022
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẨM PHẢ - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thu Đông**
Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đinh Quốc Vương** và bà **Lê Thị Thanh Thủy**
- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Hải Lê** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà: Ông **Lã Hải Long** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 5 năm 2022 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 299/2021/TLST - HNGĐ ngày 15 tháng 12 năm 2021 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2022; Thông báo về việc mở phiên tòa số 01/2022/TB - TA ngày 14 tháng 02 năm 2022; Thông báo thời gian xét xử số 03/2022/TB - TA ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2022/QĐST - HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Phạm Thị T, sinh năm 1982
Địa chỉ: phường H, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.
2. Bị đơn: anh Trần Mạnh H, sinh năm 1977
Địa chỉ: phường H, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/10/2021, bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Mạnh H vào năm 2006 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên sau thời gian tìm hiểu là 10 tháng. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại phường H, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Thời gian đầu chung sống, vợ chồng anh chị hạnh phúc được 01 năm. Sau đó, anh H mải chơi, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn; anh H còn lao vào con đường

nghiện ma túy đá. Anh H đã nghiện ma túy từ trước khi kết hôn với chị nhưng sau khi kết hôn chị mới phát hiện ra. Chị và mọi người trong gia đình đã tham gia khuyên bảo, can ngăn nhiều lần nhưng không được. Chị phải cam chịu sống cùng anh H vì các con chung còn nhỏ tuổi. Anh H ngày càng sa đà vào nghiện ngập, mỗi lần phê thuốc là về đánh chửi vợ con và còn đuổi mẹ con chị ra khỏi nhà, thậm chí anh H còn nhiều lần dí dao vào cổ đe dọa làm chị rất sợ hãi. Nhiều lần mẹ chồng, bà cô và anh em bên nhà chồng phải can ngăn anh H để không đánh chị. Trước khi đi cai nghiện mấy hôm, anh H còn cầm dao đuổi chém chị, may có bà cô chồng kịp giữ lại nên chị chạy thoát. Mẹ chồng chị đã phải báo công an phường Quang Hanh về tình trạng của anh H để công an phường đưa đi cai nghiện trong Trung tâm cai nghiện Vũ Oai. Do muốn bảo vệ tính mạng của mẹ con chị và hơn nữa, tình cảm vợ chồng chị dành cho anh H cũng đã hết từ lâu vì anh H không có sự quan tâm và cũng không có trách nhiệm dành cho mẹ con chị nên giờ chị không thể sống chung với anh H được nữa. Bao nhiêu năm nay, chị duy trì quan hệ hôn nhân với anh H chẳng qua vì thương các con còn nhỏ chứ không phải vì chị còn tình cảm yêu thương vợ chồng dành cho anh H. Chị đã cho anh H quá nhiều cơ hội, nhưng anh H không thể thay đổi được. Nay các con chung đã lớn và sức chịu đựng của chị cũng đã hết, chị muốn ly hôn với anh H để không bị hành hạ, đánh đập nữa và cuộc sống bớt mệt mỏi. Từ khi anh H đi cai nghiện, cuộc sống của mẹ con chị vui vẻ và hạnh phúc hơn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được, cuộc sống chung không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị kiên quyết xin được ly hôn với anh Trần Mạnh H.

Về con chung: chị Phạm Thị T và anh Trần Mạnh H có 04 con chung là Trần Phạm Diệu T sinh ngày 18/8/2007, Trần Phạm Thanh H sinh ngày 26/12/2011, Trần Minh V sinh ngày 08/12/2015 và Trần Huy L sinh ngày 27/9/2017. Khi ly hôn chị T xin được nuôi dưỡng cả 04 con chung và không yêu cầu anh Trần Mạnh H cấp dưỡng cho con. Hiện tại, chị buôn bán tự do ở nhà, thu nhập hàng tháng khoảng từ 12 - 15 triệu đồng, đủ đảm bảo để nuôi dưỡng các con chung. Hơn nữa, từ trước đến giờ anh H nghiện ngập, không hề cùng chị lo toan cho gia đình và các con, chỉ mình chị chăm sóc và nuôi dạy các con. Hiện tại chị vẫn đang chăm sóc tốt các con của mình.

Về tài sản chung: chị và anh H tự thỏa Tận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: chị và anh H không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Mạnh H trình bày: anh kết hôn với chị T từ năm 2006 như chị T trình bày là đúng. Anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2021 mới bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng anh chị là bất đồng trong việc nuôi dạy con chung. Sau khi phát sinh mâu thuẫn, hai vợ chồng đã thống nhất sẽ thay đổi. Mâu thuẫn của anh chị đã được gia

đình hai bên hòa giải nhiều lần. Trong quá trình chung sống, anh chị không sống ly thân, chỉ có thời gian khoảng một tháng do mâu thuẫn vợ chồng nên chị T bỏ nhà đi, khi đó chị T ở đâu và làm gì anh cũng không biết. Anh thừa nhận có đe dọa, xúc phạm và đánh đập chị T; anh biết mình sai, đã vướng vào tệ nạn ma túy. Hiện tại, anh đã cai nghiện xong, anh hứa sẽ thay đổi bản thân và chăm lo cho gia đình. Chị T có nguyện vọng ly hôn với anh nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị T vì anh vẫn còn tình cảm yêu thương và anh muốn cùng chị T chung sống và nuôi dạy các con; anh không muốn các con phải thiếu đi tình cảm của bố, mẹ. Từ khi cai nghiện đến nay anh đã thay đổi, anh không còn rượu chè chửi mắng và xúc phạm chị T nữa.

Về con chung: anh H và chị T có 04 con chung như chị T trình bày là đúng. Anh không muốn ly hôn với chị T nhưng nếu phải ly hôn, anh và chị T thống nhất thỏa thuận việc nuôi con chung như sau: anh đồng ý để cho chị T nuôi dưỡng, chăm sóc cả 04 con chung, anh không phải cấp dưỡng cho các con; anh có quyền thăm nom, chăm sóc các con chung chị T không được ngăn cản.

Về tài sản chung: anh và chị T tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về vay nợ chung: anh và chị T không vay nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh tham gia tố tụng tại phiên tòa nêu quan điểm về việc tiến hành tố tụng và nội dung giải quyết vụ án dân sự, khẳng định: việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; về thẩm quyền: xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và đúng tư cách tố tụng các đương sự tham gia tố tụng; về thời hạn chuẩn bị xét xử và các thủ tục tố tụng khác đảm bảo đúng quy định. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Phạm Thị T. Về quan hệ hôn nhân: chị T được ly hôn với anh Trần Mạnh H; về con chung: giao 04 con chung là Trần Phạm Diệu T sinh ngày 18/8/2007, Trần Phạm Thanh H sinh ngày 26/12/2011, Trần Minh V sinh ngày 08/12/2015 và Trần Huy L sinh ngày 27/9/2017 cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi), anh H không phải cấp dưỡng nuôi các con chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: anh Trần Mạnh H có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường H, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh nên yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Cẩm Phả theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn số 55, ngày 24 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban nhân dân xã Phạm Ngũ Lão, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên thể hiện hôn nhân giữa chị Phạm Thị T và anh Trần Mạnh H là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị về chung sống tại phường H, thành phố C, tỉnh Quảng Ninh. Anh chị chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H nghiện chất ma túy và cũng do tính cách của hai anh chị không hợp nhau. Biểu hiện của mâu thuẫn là anh H và chị T thường xuyên cãi vã, xô xát với nhau. Bản thân anh H cũng thừa nhận đã nhiều lần chửi bới, xúc phạm và đánh đập chị T. Hiện tại, anh H đã cai nghiện xong và từ đó đến giờ anh H không còn biểu hiện chửi bới và đánh đập chị T nữa nhưng bản thân chị T đã không còn lòng tin và không còn tình cảm dành cho anh H. Chị T đã tha thứ cho anh H quá nhiều lần nhưng anh H chỉ thay đổi được một thời gian ngắn, rồi vẫn lặp lại lỗi cũ; cuộc sống chung khiến chị T vô cùng mệt mỏi nên chị không thể chấp nhận tiếp tục chung sống với anh H được nữa. Gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải cho anh chị nhưng không có kết quả vì bản thân chị T giữ nguyên quan điểm muốn được ly hôn với anh H. Mặc dù anh H đã cai nghiện xong và trở về cuộc sống bình thường nhưng chị T không hề quan tâm, chăm lo cho anh H. Xét thấy, tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung của hai vợ chồng không có, mâu thuẫn đã quá trầm trọng, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T kiên quyết xin ly hôn với anh Trần Mạnh H, để chị và các con yên tâm ổn định cuộc sống.

Theo xác minh tại địa phương thể hiện: chị T và anh H là vợ chồng hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn của chị T và anh H là do tính cách hai người không hợp, thường xuyên cãi nhau. Anh H còn vướng vào tệ nạn ma túy nên chưa tu chí làm ăn, không quan tâm đến gia đình, vợ con và còn có biểu hiện bạo lực gia đình đối với chị T. Tình trạng mâu thuẫn của chị T và anh H đã có từ lâu, gây ảnh hưởng không tốt đến cuộc sống gia đình của anh chị, hàng xóm láng giềng đã phải nhiều lần sang can ngăn, hòa giải cho chị T và anh H.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của chị T, anh H là trầm trọng, bản thân chị T đã không còn sự yêu thương và quan tâm dành cho H, anh H nhiều lần chửi bới, xúc phạm, đánh đập chị T; đời sống chung của anh chị không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị T kiên quyết xin ly hôn với anh H. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị T về việc xin ly hôn với anh Trần Mạnh H là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị Phạm Thị T và anh Trần Mạnh H có 04 con chung là Trần Phạm Diệu T sinh ngày 18/8/2007, Trần Phạm Thanh H sinh ngày 26/12/2011, Trần Minh V sinh ngày 08/12/2015 và Trần Huy L sinh ngày 27/9/2017. Chị Phạm Thị T và anh Trần Mạnh H đã thống nhất thỏa thuận như sau: chị T được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc cả 04 con chung, anh H không phải cấp dưỡng cho các con; anh H có quyền thăm nom, chăm sóc các con chung chị T không được ngăn cản. Sự thỏa thuận này của anh chị cũng phù hợp với nguyện vọng của con chung và phù hợp với kết quả xác minh tại địa phương nơi anh chị cư trú.

Xét thấy sự thỏa thuận của chị T và anh H là phù hợp quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử thấy có cơ sở chấp nhận.

[4] Về tài sản chung và vay nợ chung: chị Phạm Thị T và anh Trần Mạnh H tự thỏa thuận về tài sản chung; không vay nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Trần Mạnh H.

2. Về con chung: giao 04 con chung là Trần Phạm Diệu T sinh ngày 18/8/2007, Trần Phạm Thanh H sinh ngày 26/12/2011, Trần Minh V sinh ngày 08/12/2015 và Trần Huy L sinh ngày 27/9/2017 cho chị Phạm Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi). Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và vay nợ chung:

Chị Phạm Thị T và anh Trần Mạnh H tự thỏa thuận về tài sản chung; không có vay nợ chung nên Tòa án không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: chị Phạm Thị T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000^{đ} (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai T tiền tạm ứng án phí số 0005060, ngày 14/12/2021 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn và bị đơn. Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- VKSND thành phố Cẩm Phả;
- Chi cục THADS thành phố Cẩm Phả;
- UBND xã Phạm Ngũ Lão;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trần T Đông